

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: Phòng E405

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 13h00

Ngày thi: 21/04/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0001	Đỗ Thanh	An	09/12/1987				
2	TA0002	Đào Bá Tuấn	Anh	23/11/1993				
3	TA0003	Đỗ Nguyệt	Anh	26/05/1996				
4	TA0004	Ngô Tuấn	Anh	19/09/1994				
5	TA0005	Trần Thế	Anh	13/02/1989				
6	TA0006	Nguyễn Thị Kim	Cầm	11/11/1977				
7	TA0007	Đinh Công	Cương	24/10/1988				
8	TA0008	Đinh Văn	Đại	20/06/1977				
9	TA0009	Nguyễn Hồng	Đại	05/03/1993				
10	TA0010	Nguyễn Tiến	Đạt	04/10/1985				
11	TA0011	Phạm	Đông	10/02/1989				
12	TA0012	Phạm Việt	Đức	30/09/1992				
34	TA0013	Nguyễn Thị Thu	Hà	31/05/1976				
13	TA0014	Trần Thái	Hà	11/07/1980				
14	TA0015	Lâm Thị	Hạnh	28/10/1982				
15	TA0016	Phạm Khắc	Hiếu	05/12/1995				
16	TA0017	Lê	Hoàng	15/09/1997				
17	TA0018	Ngô Duy	Hương	02/03/1984				
18	TA0019	Ngô Văn	Hưởng	04/03/1996				
19	TA0020	Từ Gia	Huy	05/06/1998				
20	TA0021	Phan Văn	Khải	15/08/1997				
21	TA0022	Nguyễn Đình	Kiên	12/08/1994				
22	TA0023	Nguyễn Văn	Lực	23/08/1986				
23	TA0024	Đàm Quang	Minh	25/05/1982				
24	TA0025	Khổng Tiến	Nam	06/11/1996				
25	TA0026	Nguyễn Tuấn	Nghĩa	24/09/1979				
26	TA0027	Khương Minh	Nhật	07/12/1996				
27	TA0028	Đỗ Hoàng	Phương	19/11/1982				
28	TA0029	Nguyễn Hải	Quân	05/09/1998				
29	TA0030	Bùi Văn	Tấn	22/09/1984				

30	TA0031	Nguyễn Quyết	Thắng	20/11/1996				
31	TA0032	Phạm Minh	Thắng	11/11/1987				
32	TA0033	Phan Thanh	Thìn	07/12/1988				
33	TA0034	Trần Thị Anh	Thơ	08/08/1996				
35	TA0035	Nguyễn Thị Minh	Trang	13/11/1996				
36	TA0036	Trần Xuân	Trường	04/06/1980				
37	TA0037	Nông Thanh	Tùng	09/07/1996				
38	TA0038	Thiều Kim	Tùng	15/01/1997				
39	TA0039	Nguyễn Minh Hoàng	Việt	14/12/1992				
40	TA0040	Vũ Xuân	Vượng	20/06/1989				
41	TA0041	Nguyễn Đình	Xuân	16/03/1996				
42	TA0042	Chu Văn	An	12/09/1999				
43	TA0043	Nguyễn Trường	An	16/03/1999				
44	TA0044	Chu Văn	Anh	06/06/1999				
45	TA0045	Đỗ Hoài	Anh	13/10/1999				
46	TA0046	Doãn Tuấn	Anh	12/10/1999				
47	TA0047	Hoàng Thị Lan	Anh	16/09/1999				
48	TA0048	La Tu	Anh	20/11/1999				
49	TA0049	Nguyễn Hải	Anh	15/09/1999				
50	TA0050	Nguyễn Lan	Anh	29/10/1999				
51	TA0051	Phạm Minh	Anh	01/07/1999				
52	TA0052	Nguyễn Thị	Ánh	25/07/1999				
53	TA0053	Đình Gia	Bách	15/01/2000				
54	TA0054	Vũ Trọng	Bách	06/09/2000				
55	TA0055	Thái Vĩnh	Bảo	18/12/1998				
56	TA0056	Nguyễn Thị	Bích	26/07/2000				
57	TA0057	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	19/05/2000				
58	TA0058	Dương An	Bình	20/01/1999				
59	TA0059	Vũ Thị Thanh	Bình	30/11/1999				
60	TA0060	Trương Minh	Châu	13/06/1999				
61	TA0061	Bùi Văn	Chiến	20/02/1999				
62	TA0062	Đình Văn	Chiến	08/10/1999				
63	TA0063	Nguyễn Thị	Chinh	17/07/1999				
64	TA0064	Nguyễn Thị Lan	Chinh	14/06/1999				
65	TA0065	Đỗ Đức	Chính	02/06/1999				
66	TA0066	Ngô Văn	Chính	23/08/2000				
67	TA0067	Đặng Thành	Công	06/09/1999				
68	TA0068	Nguyễn Kim	Cương	28/04/1999				
69	TA0069	Đỗ Mạnh	Cường	18/12/1999				
70	TA0070	Lê Văn	Cường	03/11/1999				

71	TA0071	Lương Văn	Cường	21/11/1999				
72	TA0072	Mai Quốc	Cường	10/08/1999				
73	TA0073	Mai Việt	Cường	01/10/1999				
74	TA0074	Nguyễn Hữu	Cường	22/02/1998				
75	TA0075	Nguyễn Văn	Cường	18/11/1999				
76	TA0076	Nguyễn Việt	Cường	06/07/2000				
77	TA0077	Lê Quốc	Đạt	20/05/1999				
78	TA0078	Nguyễn Tuấn	Đạt	16/04/1999				
79	TA0079	Phạm Quốc	Đạt	11/04/1999				
80	TA0080	Nguyễn Công	Định	07/01/1999				
81	TA0081	Khuất Duy	Đức	24/07/2000				
82	TA0082	Nguyễn Công	Đức	09/10/1999				
83	TA0083	Nguyễn Đình	Đức	10/04/1999				
84	TA0084	Nguyễn Mạnh	Đức	20/06/1999				
85	TA0085	Nguyễn Nghiêm	Đức	28/03/1999				
86	TA0086	Đỗ Mạnh	Dũng	27/02/1999				
87	TA0087	Đỗ Trọng	Dũng	22/11/1999				
88	TA0088	Phạm Việt	Dũng	28/12/1999				
89	TA0089	Phan Văn	Dũng	05/12/1999				
90	TA0090	Nguyễn Thị	Được	04/05/1999				
91	TA0091	Biện Đức	Duy	30/07/1999				
92	TA0092	Đặng Văn	Duy	13/08/1999				
93	TA0093	Lâm Văn	Duy	04/11/1999				
94	TA0094	Nguyễn Đức	Duy	05/12/1999				
95	TA0095	Nguyễn Nghiêm	Duy	06/09/1999				
96	TA0096	Phạm Minh	Duy	20/04/1999				
97	TA0097	Vũ Khánh	Duy	10/11/1999				
98	TA0098	Lê Thị	Duyên	13/09/1999				
99	TA0099	Phan Quân	Duyệt	05/01/1999				
100	TA0100	Nghiêm Hương	Giang	29/02/2000				
101	TA0101	Nguyễn Hà	Giang	24/07/1999				
102	TA0102	Cao Thị Hà	Hà	09/10/1999				
103	TA0103	Nguyễn Ngọc	Hà	02/12/2000				
104	TA0104	Vũ Xuân	Hà	15/03/1999				
105	TA0105	Hoàng Hồng	Hải	01/03/1999				
106	TA0106	Mai Hoàng	Hải	20/10/1999				
107	TA0107	Mai Hoàng	Hải	20/10/1999				
108	TA0108	Đỗ Vũ Hằng	Hằng	19/04/2000				
109	TA0109	Trần Đức	Hạnh	14/07/1999				
110	TA0110	Nguyễn Thanh	Hiền	27/01/1999				

111	TA0111	Vương Ngọc	Hiền	30/01/1999				
112	TA0112	Nguyễn Hoàng	Hiệp	23/12/1999				
113	TA0331	Nguyễn Quý	Sơn	23/07/1998				
114	TA0332	Nguyễn Hoàng	Linh	08/09/1992				

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ chấm thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)